

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 33 /2025/DS-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Bình
- Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số nhà M, đường L, tổ N, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Lê Mỹ D1, sinh năm 2000; Địa chỉ liên hệ: Số 51A đường Hoàng Diệu, khu phố 5, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1989; Thường trú: Thôn 10, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977; Thường trú: Số B đường P, tổ B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện tại: Số H đường T, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số B, đường P, tổ B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà D, bà D1, bà H, ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Lê Mỹ D1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vì chỗ quen biết nên vợ chồng ông Trần Thanh L, bà Trần Thị Thu Th có cho bà Lương Thị H mượn nhiều lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Những lần mượn tiền, bà H đều viết giấy mượn tiền, trong đó thể hiện số tiền mượn cụ thể như sau:

- Ngày 25/5/2023, mượn số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 05/6/2023, mượn số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 23/6/2023, mượn số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 03/10/2023, mượn số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, mượn số tiền 50.000.000 đồng.

Về lãi suất, các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không thể hiện trong Giấy mượn tiền và không thỏa thuận về thời hạn vay.

Bà Lương Thị H có chồng là ông Lâm Văn T, quan hệ hôn nhân được xác lập theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong những lần mượn tiền không có ông T tham gia nhưng lý do mượn tiền được bà H ghi nhận trong các Giấy mượn tiền đều là “mua đồ dùng trong gia đình”, là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do đó, có căn cứ để nhận định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông L, bà Th.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu vợ chồng bà H, ông T chịu tiền lãi, cụ thể:

+ Tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) vợ chồng bà H đã trả lãi đến hết tháng 12/2024, vì vậy, tính lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/4/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 3.486.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, vợ chồng bà H chưa trả lãi, vì vậy, tạm tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 16/4/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} = 6.087.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th là 119.573.000 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng), gồm: Nợ gốc: 110.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 9.573.000 đồng.

Bà H, ông T tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc, tính từ ngày 17/4/2025 đến khi vụ án được giải quyết xong.

* Tại bản tự khai ngày 25/4/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu vợ chồng bà H, ông T chịu tiền lãi, cụ thể:

+ Tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) vợ chồng bà H đã trả lãi đến hết tháng 12/2024, vì vậy, tính lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 4.150.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, vợ chồng bà H chưa trả lãi, vì vậy, tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 6.585.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th là 120.735.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng), gồm: Nợ gốc: 110.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/5/2025 là 10.735.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 06/5/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Lê Mỹ D1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th tổng số tiền là 120.735.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng), gồm: Nợ gốc: 110.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/5/2025 là 10.735.000 đồng.

Bà H, ông T tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày 07/5/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với mức lãi suất 1,66%/tháng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị H trình bày: Bà H và ông Lâm Văn T là vợ chồng, hiện nay đang ly thân. Bà H có nhiều lần mượn tiền của bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà M đường L, tổ N, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Những lần mượn tiền đều lập Giấy mượn và ghi lý do mua dụng cụ trong gia đình, không ghi lãi suất và thời hạn trả tiền, giấy do bà H ghi và bà H có ký tên vào giấy. Cụ thể:

- Giấy mượn tiền ghi ngày 25/5/2023, bà H có mượn của bà Th số tiền 10.000.000 đồng.

- Giấy mượn tiền ghi ngày 05/6/2023, bà H có mượn của bà Th số tiền 10.000.000 đồng,

- Giấy mượn tiền ghi ngày 23/6/2023, bà H có mượn của bà Th số tiền 20.000.000 đồng.

- Giấy mượn tiền ghi ngày 03/10/2023 (âm lịch), bà H có mượn của bà Th số tiền 20.000.000 đồng.

- Giấy mượn tiền ghi ngày 04/8/2024 (âm lịch), bà H có mượn của bà Th số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà H đã mượn là 110.000.000 đồng. Bà H có trả lãi đầy đủ cho các khoản tiền trên cho bà Th, tuy nhiên, từ ngày 01/01/2025, bà H không có khả năng trả tiền lãi cho bà Th đối với tất cả các khoản nợ trên.

Các khoản tiền này mặc dù ghi là mua đồ dùng cho gia đình nhưng thực tế đó là khoản vay cá nhân của bà H.

Nay, bà Th, ông L khởi kiện yêu cầu bà H và ông T phải thanh toán cho bà Th, ông L các khoản tiền gồm:

+ Tiền nợ gốc của 05 khoản nợ là 110.000.000 đồng.

+ Tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 04/4/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 3.088.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, tạm tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 04/4/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} = 5.810.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra yêu cầu bà H và ông T phải trả tiền lãi trên số tiền 110.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 05/4/2025 đến khi vụ án được giải quyết xong.

Thì bà H có ý kiến sau: Đây là khoản nợ riêng của bà H nên về tiền gốc của 05 khoản nợ là 110.000.000 đồng và tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 là 3.088.000 đồng thì bà H thông nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý trả.

Riêng đối với khoản tiền lãi của khoản nợ 50.000.000 đồng thì bà H chỉ còn thiếu từ ngày 01/01/2025 đến nay, vì vậy bà H chỉ đồng ý trả số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2025.

- Tại bản tự khai ngày 16/4/2025 và phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T trình bày: Ông T và bà Lương Thị H là vợ chồng. Tuy nhiên, ông bà đã ly thân 02 năm nay. Theo thông báo của Tòa án, ông T được biết là bà Lương Thị H có nhiều lần mượn tiền của bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Thanh L. Tuy nhiên, cụ thể số tiền bao nhiêu, mục đích để làm gì thì ông T không biết, ông T cũng chưa từng ký tên vào bất cứ tờ giấy mượn tiền nào, vì đó là chuyện cá nhân của bà H. Bản thân bà H cũng trình bày là cá nhân bà sẽ chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho bà Th, ông L. Vì vậy, ông T không liên quan gì đến các khoản tiền nợ này. Thống nhất việc bà Lương Thị H chịu trách nhiệm một mình trả các khoản nợ do nguyên đơn yêu cầu, việc trả nợ không liên quan đến ông.

- Theo Biên bản xác minh ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tại Ban điều hành khu phố 5, thị trấn Đức Tài được cung cấp nội dung như sau: Vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T trước đây sống chung tại Số B đường P, tổ B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, từ tháng 3/2023 đến nay, vợ chồng ông bà đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Theo thông tin được biết, hiện tại bà H đang thuê trọ sinh sống tại thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, ông T vẫn đang sinh sống tại khu phố N, thị trấn Đ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh D, bà Huỳnh Lê Mỹ D1, bị đơn bà Lương Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, người đại diện nguyên đơn và bị đơn bà H đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền gốc còn nợ là 110.000.000 đồng. Bà H, ông T cho rằng việc mượn tiền là của cá nhân bà H, thời điểm mượn tiền ông, bà đã ly thân. Theo biên bản xác minh tại địa phương, bà H, ông T đã không còn sống chung từ tháng 3/2023. Tại các giấy mượn tiền, bà H ghi lý do là mua dụng cụ cho gia đình nhưng không trình bày cụ thể là mua vật dụng gì. Vì vậy, không có căn cứ cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà H, ông T.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu: Tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng; Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Bị đơn bà H trình bày, từ lúc mượn tiền, bà đều trả tiền lãi đầy đủ. Như vậy, bị đơn thừa nhận các Hợp đồng vay này là có tính lãi. Bà H cho rằng các khoản tiền vay đều đã trả lãi đến hết tháng 12/2024, tuy nhiên, bà không có chứng cứ gì chứng minh. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về thời gian tính lãi và mức lãi như trên là phù hợp.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Lương Thị H, buộc bà H phải thanh toán số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng; Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh D, bà Huỳnh Lê Mỹ D1, bị đơn bà Lương Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu vợ chồng bà H, ông T chịu tiền lãi, cụ thể:

+ Tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 4.150.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 6.585.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền buộc vợ chồng bà Lương Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà Th là 120.735.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng), gồm: Nợ gốc: 110.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/5/2025 là 10.735.000 đồng.

Nộp kèm là 05 bản chính Giấy mượn tiền ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (âm lịch), ngày 04/8/2024 (âm lịch).

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 25/5/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977, tổ 4, khu phố 5, thị trấn Đức Tài, ĐL, BT có mượn chị Thủy Liêm số tiền 10.000.000 đồng. Lý do: Mua dụng cụ trong gia đình. Có chữ ký của bà Lương Thị H.

Theo Giấy mượn tiền ngày 05/6/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977, tổ 4, khu phố 5, thị trấn Đức Tài, ĐL, BT có mượn chị Thủy Liêm số tiền 10.000.000 đồng. Lý do: Mua dụng cụ trong gia đình. Có chữ ký của bà Lương Thị H.

Theo Giấy mượn tiền ngày 23/6/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977, tổ 4, khu phố 5, thị trấn Đức Tài, ĐL, BT có mượn chị Thủy Liêm số tiền 20.000.000 đồng. Lý do: Mua đồ dùng trong gia đình. Có chữ ký của bà Lương Thị H.

Theo Giấy mượn tiền ngày 03/10/2023 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977, tổ 4, khu phố 5, thị trấn Đức Tài, Đức Linh, Bình Thuận có mượn chị Thủy Liêm số tiền 20.000.000 đồng. Lý do: Mua dụng cụ trong gia đình. Có chữ ký của bà Lương Thị H.

Theo Giấy mượn tiền ngày 04/8/2024 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Lương Thị H, sinh năm 1977, tổ 4, khu phố 5, thị trấn Đức Tài, ĐL, BT có mượn chị Thủy Liêm số tiền 50.000.000 đồng. Lý do: Mua dụng cụ trong gia đình. Có chữ ký của bà Lương Thị H.

[3.1] Bị đơn bà Lương Thị H thừa nhận vào các ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (âm lịch), ngày 04/8/2024 (âm lịch) có lập và ký các Giấy mượn tiền với bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Thanh L, nội dung giống như các Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà H xác nhận có nợ bà Th, ông L số tiền 110.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Như vậy, thực tế giữa bà H, bà Th, ông L có việc mượn số tiền là 110.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Bị đơn bà Lương Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T trình bày ông T hoàn toàn không biết việc bà H mượn tiền của bà Th, ông L và mượn với mục đích gì, vì thời gian này, vợ chồng ông bà đang ly thân. Vì vậy, ông bà không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Nhận thấy, theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 28/4/2025 tại địa phương, thì từ tháng 3/2023 đến nay, vợ chồng bà H, ông T đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Theo thông tin được biết, hiện tại bà H đang thuê trọ sinh sống tại thôn 6, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, ông T vẫn đang sinh sống tại khu phố 5, thị trấn Đức Tài. Như vậy, tại thời điểm ký kết các Giấy mượn tiền, bà H và ông T đã không còn chung sống, nên ông T không ký tên vào các Giấy mượn tiền.

Từ đó nhận thấy, việc ký kết giao dịch giữa bà H và nguyên đơn không phải từ mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình như quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Không có căn cứ buộc ông T cùng bà H phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho nguyên đơn. Trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn thuộc về cá nhân bà H. Việc bà Th, ông L khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo nội dung các Giấy mượn tiền thì không có thỏa thuận về việc trả lãi. Tuy nhiên, người đại diện của nguyên đơn và bị đơn bà H thừa nhận, các bên có thỏa thuận miệng về việc tính lãi và bà H có trả lãi cho nguyên đơn. Nội dung các Giấy mượn tiền không thỏa thuận thời gian trả tiền. Như vậy, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có tính lãi suất, không có thời hạn.

[4.1] Theo nguyên đơn trình bày, các Giấy mượn tiền ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (âm lịch), bà H đều đã trả tiền lãi đến hết tháng 12/2024. Từ ngày 01/01/2025, bà H không trả lãi. Điều này được bà H thừa nhận. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với các khoản nợ này.

[4.2] Đối với Giấy mượn tiền ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, bà H cho rằng mình đã trả tiền lãi đến hết tháng 12/2024, tuy nhiên, bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Nguyên đơn xác định từ sau khi mượn tiền, từ ngày 07/9/2024 bà H không trả lãi, vì vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản tiền này.

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi và thời điểm tính lãi đối với các khoản tiền nợ là có căn cứ.

[4.3] Người đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu tính tiền lãi của khoản nợ ngày 25/5/2023, ngày 05/6/2023, ngày 23/6/2023, ngày 03/10/2023 (60.000.000 đồng) tính lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 4.150.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi của khoản nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/8/2024 (âm lịch) tức là ngày 06/9/2024 dương lịch, tính từ ngày 07/9/2024 đến ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng: $1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 6.585.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi yêu cầu là 10.735.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi 1,66%/tháng.

Trong phần trình bày của mình, bà H thống nhất trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng mà nguyên đơn áp dụng. Như vậy, mức lãi suất và số tiền lãi do nguyên đơn đưa ra là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Lương Thị H. Từ đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Thanh L đối với bị đơn bà Lương Thị H về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lương Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Thanh L số tiền 120.735.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm ba

mười lăm nghìn đồng), gồm: Nợ gốc: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 06/5/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 10.735.000 đồng (Mười triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị H phải chịu 6.037.000 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Trần Thị Thu Th, ông Trần Thanh L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 2.967.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005312 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung